

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố đơn giá xây dựng công trình (phần lắp đặt)**  
**trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 08/10/2015 của Bộ Xây dựng công bố định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 1777/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức dự toán xây dựng công trình - phần lắp đặt;

Căn cứ Quyết định số 1173/QĐ-BXD ngày 26/12/2012 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức dự toán xây dựng công trình - phần lắp đặt (sửa đổi và bổ sung);

Căn cứ Quyết định số 587/QĐ-BXD ngày 29/5/2014 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức dự toán xây dựng công trình - phần lắp đặt (sửa đổi và bổ sung);

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-BXD ngày 04/4/2017 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức dự toán xây dựng công trình - phần lắp đặt (sửa đổi và bổ sung).

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 314/TTr-SXD ngày 18/12/2017 về việc đề nghị công bố đơn giá xây dựng công trình (phần lắp đặt) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này đơn giá xây dựng công trình (phần lắp đặt) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để các tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, sử dụng vào việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2018 và thay thế các văn bản sau: Văn bản số 814/UBND-VP ngày 05/02/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố đơn giá xây dựng công trình - phần lắp đặt tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố điều chỉnh đơn giá xây dựng công trình - phần lắp đặt đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu công bố tại văn bản số 814/UBND-VP ngày 05/02/2008.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bà Rịa – Vũng Tàu; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, TH2, TH5. (15)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Quốc

## THUYẾT MINH VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

### 1. Cơ sở xác định đơn giá

- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Văn bản số 1777/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng công bố định mức dự toán xây dựng công trình - Phần lắp đặt;
- Quyết định số 1173/QĐ-BXD ngày 26/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố định mức dự toán xây dựng công trình - Phần lắp đặt (sửa đổi và bổ sung);
- Quyết định số 587/QĐ-BXD ngày 29/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố định mức dự toán xây dựng công trình - Phần lắp đặt (sửa đổi và bổ sung);
- Quyết định số 236/QĐ-BXD ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố định mức dự toán xây dựng công trình - Phần lắp đặt (bổ sung);
- Văn bản số 4005/UBND-VP ngày 07/6/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc áp dụng mức lương cơ sở đầu vào để xác định đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

### 2. Nội dung đơn giá

Đơn giá xây dựng công trình (phần lắp đặt) là tổng hợp các chi phí về vật liệu, nhân công và máy thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác lắp đặt như 100m ống, 1 cái tê, van, cút, 1m<sup>2</sup> bảo ôn ống, 1m khoan, vv... từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc công tác lắp đặt (kể cả những hao phí cần thiết do yêu cầu kỹ thuật và tổ chức sản xuất nhằm đảm bảo thi công xây dựng liên tục, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật).

#### a) Chi phí vật liệu:

Chi phí vật liệu bao gồm chi phí vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện hoặc bộ phận rời lẻ, vật liệu luân chuyển (không kể vật liệu phụ cần dùng cho máy móc, phương tiện vận chuyển và những vật liệu tính trong chi phí chung) cần cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng công tác lắp đặt.

Chi phí vật liệu trong đơn giá tính theo giá vật liệu xây dựng trung bình các tháng của năm 2017 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được liên sở Xây dựng – Tài chính công bố (mức giá chưa có thuế giá trị gia tăng). Đối với những loại vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá thì tạm tính theo giá tham khảo tại thị trường.

Trong quá trình áp dụng đơn giá, nếu giá vật liệu thực tế (mức giá chưa có thuế giá trị gia tăng) chênh lệch so với giá vật liệu đã tính trong đơn giá thì tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm điều chỉnh cho phù hợp.



**b) Chi phí nhân công:**

- Chi phí nhân công được tính theo mức lương cơ sở đầu vào vùng I là  $L_{NC} = 2.350.000$  đồng/tháng. Mức lương này đã bao gồm các khoản phụ cấp lương theo đặc điểm, tính chất của sản xuất xây dựng và đã tính đến các yếu tố thị trường, và các khoản bảo hiểm người lao động phải trả theo quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp);

- Hệ số lương nhân công trực tiếp sản xuất xây dựng theo Phụ lục 2 (Nhóm I, II - Bảng số 1) công bố kèm theo Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

**c) Chi phí máy thi công:**

Là chi phí sử dụng các loại máy và thiết bị trực tiếp thực hiện, kể cả máy và thiết bị phụ phục vụ để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác xây dựng.

- Giá ca máy và thiết bị thi công được xác định theo Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

- Giá nhiên liệu, năng lượng (chưa bao gồm thuế VAT) sử dụng để tính chi phí nhiên liệu, năng lượng là:

+ Xăng: 15.991 đồng/lít;

+ Điêzen: 12.500 đồng/lít;

+ Điện: 1.622 đồng/kwh;

+ Hệ số chi phí nhiên liệu phụ: Động cơ xăng = 1,01; Động cơ điêzen = 1,02; Động cơ điện = 1,03.

**3. Kết cấu tập đơn giá**

Đơn giá xây dựng công trình (phần lắp đặt) bao gồm 04 chương, phân theo nhóm, loại công tác hoặc kết cấu lắp đặt, được mã hóa như quy định tại các tập định mức dự toán xây dựng công trình được Bộ Xây dựng công bố.

Chương I : Lắp đặt hệ thống điện trong công trình;

Chương II : Lắp đặt các loại ống và phụ tùng;

Chương III : Bảo ôn đường ống, phụ tùng và thiết bị;

Chương IV : Khai thác nước ngầm.

**4. Hướng dẫn sử dụng**

- Đơn giá xây dựng công trình (phần lắp đặt) được công bố nhằm phục vụ cho việc tham khảo sử dụng trong công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Đối với những công tác xây dựng như công tác đào, đắp đất đá, xây, trát, đổ bê tông, ván khuôn, cốt thép, vv... áp dụng theo đơn giá xây dựng công trình (phần xây dựng);

- Chiều cao ghi trong đơn giá xây dựng công trình (phần lắp đặt) là chiều cao tính từ cốt ± 0.00 theo thiết kế công trình đến độ cao ≤ 4m, nếu thi công ở độ cao > 4m được áp dụng đơn giá bốc xếp vận chuyển lên cao như quy định trong đơn giá xây dựng công trình (phần xây dựng);

- Đối với công tác lắp đặt điện, đường ống và phụ tùng ống cấp thoát nước, bảo ôn, điều hòa không khí, phụ kiện sinh hoạt và vệ sinh trong công trình phải dùng dàn giáo thép để thi công thì được áp dụng đơn giá lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo thép công cụ trong đơn giá xây dựng công trình (phần xây dựng);

- Đơn giá xây dựng công trình (phần lắp đặt) được tính theo mức lương cơ sở đầu vào là  $L_{NC} = 2.350.000$  đồng/tháng áp dụng trên địa bàn thành phố Vũng Tàu và huyện Tân Thành;

- Địa bàn Thành phố Bà Rịa thuộc vùng II, mức lương cơ sở đầu vào là  $L_{NC} = 2.150.000$  đồng/tháng, khi áp dụng tập đơn giá này thì nhân với các hệ số chuyển đổi sau:

+ Hệ số nhân công  $K_{nc2} = 0,915$ ;

+ Hệ số máy thi công  $K_{mtc2} = 0,967$ .

- Địa bàn các huyện Long Điền, Đất Đỏ, Xuyên Mộc, Châu Đức thuộc vùng III, mức lương cơ sở đầu vào là  $L_{NC} = 2.000.000$  đồng/tháng, khi áp dụng tập đơn giá này thì nhân với các hệ số chuyển đổi sau:

+ Hệ số nhân công  $K_{nc3} = 0,851$ ;

+ Hệ số máy thi công  $K_{mtc3} = 0,943$ .

## **5. Một số điều chỉnh đối với địa bàn huyện Côn Đảo**

### **a) Chi phí vật liệu:**

Chi phí vật liệu tại huyện Côn Đảo được cộng thêm chi phí vận chuyển xếp dỡ từ thành phố Vũng Tàu đến đảo trung tâm của huyện Côn Đảo. Trong đó:

- Giá vận chuyển đường biển từ Vũng Tàu đến Côn Đảo là 180.000 đồng/tấn,  $m^3$  (đã bao gồm thuế VAT);

- Giá vận chuyển bằng ô tô bình quân tại Côn Đảo là 65.000 đồng/tấn,  $m^3$  (đã bao gồm thuế VAT);

- Phí qua cảng (theo Quyết định số 61/2007/QĐ-UBND ngày 27/8/2007 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) tại cảng Vũng Tàu là 3.000 đồng/tấn,  $m^3$ ; tại cảng Bến Đầm là 4.000 đồng/tấn và 6.000 đồng/ $m^3$  (đã bao gồm thuế VAT);

- Giá bốc xếp vật liệu xây dựng (đã bao gồm thuế VAT):

+ Bốc xếp từ cảng ở Vũng Tàu xuống tàu là 48.000 đồng/tấn,  $m^3$ ;

+ Bốc xếp từ tàu lên xe tại cảng Bến Đầm là 60.000 đồng/tấn,  $m^3$ ;

+ Bốc xếp từ xe xuống kho công trường là 41.000 đồng/tấn,  $m^3$ ;

+ Bốc xếp cát, đá xây dựng đến chân công trình là 65.000 đồng/ $m^3$ .

### **b) Chi phí nhân công:**

- Địa bàn huyện Côn Đảo thuộc vùng III, mức lương cơ sở đầu vào là  $L_{NC} = 2.000.000$  đồng/tháng. Huyện Côn Đảo được áp dụng phụ cấp khu vực và phụ cấp thu hút, trong đó:

+ Phụ cấp khu vực được tính bằng mức 0,7 tiền lương cơ sở theo Quyết định số 32/2013/QĐ-TTg ngày 22/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách ưu đãi đối với địa bàn Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tiền lương cơ sở bằng 1.300.000 đồng/tháng theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ quy định

mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

+ Phụ cấp thu hút bằng 50% tiền lương cơ bản theo văn bản số 9742/UBND-VP ngày 09/11/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc tiếp tục áp dụng chế độ phụ cấp thu hút đối với địa bàn huyện Côn Đảo;

- Địa bàn huyện Côn Đảo khi áp dụng tập đơn giá này thì nhân với các hệ số chuyển đổi sau:

+ Hệ số nhân công  $K_{nc} = 1,441$ ;

+ Hệ số máy thi công  $K_{mtc} = 1,169$ .

Ngoài phần thuyết minh và hướng dẫn sử dụng trên, trong từng chương của đơn giá đều có hướng dẫn điều kiện làm việc, yêu cầu kỹ thuật và hướng dẫn sử dụng cụ thể.